

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6518/GPMT-UBND

Móng Cái, ngày 18 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Văn bản số 3162/TNMT-BVMT ngày 14/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường "về việc hướng dẫn một số nội dung chính về giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT";

Căn cứ giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường số 2577/GXN-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố Móng Cái "Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cảng Vạn Gia tại xã Vĩnh Thực"; Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND thành phố Móng Cái "về việc thành lập Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở nhà máy nước Vạn Gia tại xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái";

Theo đề nghị của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh tại Văn bản số 2440/CTN-CLN ngày 19/11/2024, kèm theo hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở nhà máy nước Vạn Gia, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái;

Theo đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1486/TTr-TNMT ngày 09/12/2024 Về việc cấp giấy phép môi trường cho cơ sở Nhà máy nước Vạn Gia tại xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh (không bao gồm công trình khai thác nước hồ Vạn Gia cấp nước cho Nhà máy nước Vạn Gia) và ý kiến thống nhất của Thường trực UBND Thành phố tại Phiếu trình của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố ngày 18/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh được thực

hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở nhà máy nước Vạn Gia tại xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (không bao gồm công trình khai thác nước hồ chứa nước Vạn Gia cấp cho Nhà máy nước Vạn Gia), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nước Vạn Gia, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 5700100104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25/08/2010 và thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 5700100104.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cấp nước sinh hoạt

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1 Phạm vi của dự án.

- Vị trí cơ sở tại xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái.

1.6.2. Quy mô, công suất của dự án.

- Tổng diện tích: 1788,5m².

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Theo Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 08/11/2010 do UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành với tổng mức đầu tư bàn giao tài sản là 5.450.000.000 đồng, theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư, cơ sở thuộc nhóm C với mức đầu tư dưới 80 tỷ thuộc dự án quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật đầu tư công năm 2019.

- Công suất: Tổng công suất 580m³/ngày đêm.

- Nguồn nước đầu vào của Nhà máy: Nước hồ Vạn Gia được cấp phép Khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 1157/GP-UBND ngày 17/04/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại **Phụ lục 1** kèm theo.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện theo yêu cầu về bảo vệ môi trường tại **Phụ lục 2** kèm theo.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường **Phụ lục 3** kèm theo.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại **Phụ lục 4** kèm theo.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thành phố Móng Cái nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Móng Cái, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2024 đến ngày 18 tháng 12 năm 2034); căn cứ Khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Phòng ban liên quan và UBND xã Vĩnh Thực tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TT Thành ủy, TT HĐND TP (b/c);
- TT UBND TP 4 (c/đ);
- Phòng TNMT, QLĐT;
- UBND xã Vĩnh Thực (p/h);
- Trung tâm TT&VH (đăng tải);
- Chủ Dự án, cơ sở;
- VP1, P1, V4, V6;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phúc Vinh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 9518/GPMT-UBND ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Móng Cái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ hoạt động của CBCNV).
- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp (phát sinh trong quá trình xả đáy bể lọc chậm) được tái tuần hoàn sử dụng không xả thải ra ngoài môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Hệ thống nước chung xã Vĩnh Thục.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2365235$; $Y = 519818$
 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất: $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Không phát sinh (Nước thải công nghiệp lớn nhất phát sinh được chảy tuần hoàn lại bể điều hòa, không xả ra môi trường).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng số 01: Gián đoạn.
- Dòng số 02: Không phát sinh.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

Chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,2):

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200		
5.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10.	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11.	Coliform	MPN/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của CBCNV (nguồn số 01):
 - + Nước thải xí tiêu → Bể tự hoại → Hồ thu gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung
 - + Nước thoát sàn → Hồ gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung
- Nước thải công nghiệp (nguồn số 02):
 - + Nước thải công nghiệp phát sinh trong quá trình xả đáy bể lọc chậm được xả qua kênh xả cạn về ngăn nhận nước của bể lắng ngang (bể điều hòa), bùn được lắng đọng xuống đáy, phần nước trong phía trên được chảy sang ngăn chứa nước và bơm tuần hoàn lên bể lọc chậm. Bùn được hút định kỳ bởi đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Nước thải xí tiêu của CBCNV (theo đường ống D110) → Bể tự hoại (6m³/bể) → Hồ gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung

+ Nước thoát sàn (theo đường ống D90) → song chắn rác → Hồ gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung

+ Hóa chất sử dụng: Men vi sinh xử lý bề phốt, clo khử trùng.

- Nước thải sản xuất

+ Nước thải công nghiệp phát sinh → ngăn nhận nước (6,15m x 2,5m) → lắng trọng lực → Phần nước trong bơm tuần hoàn lên bể lọc chậm → Phần bùn lắng được định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

+ Hóa chất sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.

- Bố trí nhân sự theo dõi thường xuyên các quá trình vận hành tại nhà máy để kịp thời xử lý tình huống và sự cố phát sinh, đảm bảo không rò rỉ phát sinh nước thải chưa xử lý ra môi trường

- Định kỳ thu gom, xử lý bùn tại sân phơi bùn, bùn phát sinh ở bể tự hoại để đảm bảo xử lý nước thải đạt hiệu quả.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình xử lý nước thải của Cơ sở.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ cơ sở xây dựng, đã được Tổ kiểm tra của UBND thành phố kiểm tra, thông qua theo quy định).



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9518/GPMT-UBND ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Móng Cái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Nhà máy
- Nguồn số 02: Hoạt động của các máy bơm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực xe ra vào Cơ sở.
- Nhà vận hành bơm: Tọa độ: X = 2365246.3; Y = 519826.9

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Vận hành, sử dụng các thiết bị theo đúng quy trình, quy phạm; hạn chế vận hành đồng thời đối với những thiết bị có thể phát ra tiếng ồn lớn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh khu vực Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị, phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng hoạt động tốt. Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành. Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bôi trơn máy móng hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Công nhân làm việc liên tục tại các khu vực có tiếng ồn cao, phải được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

- Sử dụng móng bê tông và lấp đất đệm giảm chấn để chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Các phương tiện ra vào yêu cầu di chuyển tốc độ dưới 5km/h, không bấm còi; các phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu,... phải tắt máy trong quá trình bốc dỡ, hạn chế bóp còi tại khu vực nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9518/GPMT-UBND ngày 18/12/2024
của UBND thành phố Móng Cái)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg/năm	5
2	Pin và ắc quy khác	19 06 05	Kg/năm	5
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giã lau dầu, vải mềm, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg/năm	30
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg/năm	5
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg/năm	2
6	Các chất thải khác có tính ăn mòn	19 12 04	Kg/năm	3
7	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 03	Kg/năm	5
	Tổng cộng			55

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Bùn lỏng	1,2 m ³ / năm
3	Vỏ bao đựng phèn	10 kg/ năm
4	Nhựa và cao su	5 kg/ năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	0,29

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa 120 l/thùng có nắp đậy kín, trên thùng ghi tên, mã chất thải và biển cảnh báo theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8,28m².

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh thu và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.1.3. Quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại:

- Cơ sở thực hiện quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 24, Điều 25 và Điều 35 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Bùn phát sinh từ các quá trình xử lý nước (bể lọc chậm); được thu gom bởi đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Vỏ bao phèn, nhựa và cao su chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 240 lít và đặt trong kho hóa chất của Nhà máy; được thu gom bởi đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/ thùng.

- Thu gom tập kết rác thải hàng ngày và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định hoặc thu gom theo quy định của địa phương.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 9518/GPMT-UBND ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Móng Cái)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Vận hành thường xuyên và đảm bảo các công trình xử lý chất thải, công trình bảo vệ môi trường hoạt động ổn định; đảm bảo thu gom, xử lý chất thải phát sinh đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi xả thải.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Dự án.

- Quản lý thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện Hải Hà, phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân Quảng Chính để được hướng dẫn giải quyết. Thực hiện đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình cơ sở hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Thực hiện các quy định khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Số: 1486 /TTr - TNMT

Móng Cái, ngày 08 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

**VỀ VIỆC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CHO CƠ SỞ NHÀ MÁY NƯỚC VẠN GIA TẠI XÃ
VĨNH THỰC, THÀNH PHỐ MÓNG CÁI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG
NINH (KHÔNG BAO GỒM CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC HỒ VẠN GIA CẤP NƯỚC CHO
NHÀ MÁY NƯỚC VẠN GIA)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Văn bản số 3162/TNMT-BVMT ngày 14/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn một số nội dung chính về giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT”;

Căn cứ giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường số 2577/GXN-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thành phố Móng Cái “Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cảng Vạn Gia tại xã Vĩnh Thực”; Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND thành phố Móng Cái “về việc thành lập Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở nhà máy nước Vạn Gia tại xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái”;

Căn cứ biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở ngày 19/9/2024 của Tổ kiểm tra; văn bản số 2440/CTN-CLN ngày 19/11/2024 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh kèm theo hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở gửi đến. Phòng Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở nhà máy nước Vạn Gia tại xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Không bao gồm công trình khai thác nước hồ chứa nước Vạn Gia cấp cho Nhà máy nước Vạn Gia), với các nội dung cụ thể như sau:

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nước Vạn Gia, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái
- 1.2. Địa điểm hoạt động: xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 5700100104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25/08/2010 và thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2024. Mã số thuế: 5700100104

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cấp nước sinh hoạt

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích: 1788,5m².

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Theo Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 08/11/2010 do UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành với tổng mức đầu tư bàn giao tài sản là 5.450.000.000 đồng, theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư, cơ sở thuộc nhóm C với mức đầu tư dưới 80 tỷ thuộc dự án quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật đầu tư công năm 2019.

- Công suất: Tổng công suất 580m³/ngày đêm.

- Nguồn nước đầu vào của Nhà máy: Nước hồ Vạn Gia được cấp phép Khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 1157/GP-UBND ngày 17/04/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại **Phụ lục 1** kèm theo.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện theo yêu cầu về bảo vệ môi trường tại **Phụ lục 2** kèm theo.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường **Phụ lục 3** kèm theo.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại **Phụ lục 4** kèm theo.

Phòng Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lưu Thị Vân Khánh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Tờ Trình số số /TTr-TNMT ngày /11/2024)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ hoạt động của CBCNV).
- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp (phát sinh trong quá trình xả đáy bể lọc chậm) được tái tuần hoàn sử dụng không xả thải ra ngoài môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Hệ thống nước chung xã Vĩnh Thực.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2365235$; $Y = 519818$
(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất: $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Không phát sinh (Nước thải công nghiệp lớn nhất phát sinh được chảy tuần hoàn lại bể điều hòa, không xả ra môi trường).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng số 01: Gián đoạn.
- Dòng số 02: Không phát sinh.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

Chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và

QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,2):

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200		
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10.	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11.	Coliform	MPN/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của CBCNV (nguồn số 01):
 - + Nước thải xí tiêu → Bể tự hoại → Hồ thu gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung
 - + Nước thoát sàn → Hồ gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung
- Nước thải công nghiệp (nguồn số 02):
 - + Nước thải công nghiệp phát sinh trong quá trình xả đáy bể lọc chậm được xả qua kênh xả cạn về ngăn nhận nước của bể lắng ngang (bể điều hòa), bùn được lắng đọng xuống đáy, phần nước trong phía trên được chảy sang ngăn chứa nước và bơm tuần hoàn lên bể lọc chậm. Bùn được hút định kỳ bởi đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải xí tiêu của CBCNV (theo đường ống D110) → Bể tự hoại (6m³/bể) → Hồ gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung

+ Nước thoát sàn (theo đường ống D90) → song chắn rác → Hồ gom (clo khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung

+ Hóa chất sử dụng: Men vi sinh xử lý bể phốt, clo khử trùng.

- Nước thải sản xuất

+ Nước thải công nghiệp phát sinh → ngăn nhận nước (6,15m x 2,5m) → lắng trọng lực → Phần nước trong bơm tuần hoàn lên bể lọc chậm → Phần bùn lắng được định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

+ Hóa chất sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.

- Bố trí nhân sự theo dõi thường xuyên các quá trình vận hành tại nhà máy để kịp thời xử lý tình huống và sự cố phát sinh, đảm bảo không rò rỉ phát sinh nước thải chưa xử lý ra môi trường

- Định kỳ thu gom, xử lý bùn tại sân phơi bùn, bùn phát sinh ở bể tự hoại để đảm bảo xử lý nước thải đạt hiệu quả.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình xử lý nước

thải của Cơ sở.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ cơ sở xây dựng, đã được Tổ kiểm tra của UBND thành phố kiểm tra, thông qua theo quy định).

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Tờ Trình số số /TTr-TNMT ngày /11/2024)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Nhà máy
- Nguồn số 02: Hoạt động của các máy bơm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực xe ra vào Cơ sở.
- Nhà vận hành bơm: Tọa độ: X = 2365246.3; Y = 519826.9

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Vận hành, sử dụng các thiết bị theo đúng quy trình, quy phạm; hạn chế vận hành đồng thời đối với những thiết bị có thể phát ra tiếng ồn lớn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh khu vực Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị, phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng hoạt động tốt. Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị

trong quá trình vận hành. Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bôi trơn máy móng hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Công nhân làm việc liên tục tại các khu vực có tiếng ồn cao, phải được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

- Sử dụng móng bê tông và lắp đặt đệm giảm chấn để chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Các phương tiện ra vào yêu cầu di chuyển tốc độ dưới 5km/h, không bấm còi; các phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu,... phải tắt máy trong quá trình bốc dỡ, hạn chế bóp còi tại khu vực nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Tờ Trình số số /TTr-TNMT ngày /11/2024)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg/năm	5
2	Pin và ắc quy khác	19 06 05	Kg/năm	5
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giả lau dầu, vải mềm, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg/năm	30
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg/năm	5
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg/năm	2
6	Các chất thải khác có tính ăn mòn	19 12 04	Kg/năm	3
7	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 03	Kg/năm	5
	Tổng cộng			55

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Bùn lỏng	1,2 m ³ / năm
3	Vỏ bao đựng phèn	10 kg/ năm
4	Nhựa và cao su	5 kg/ năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	0,29

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa 120 l/thùng có nắp đậy kín, trên thùng ghi tên, mã chất thải và biển cảnh báo theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8,28m².

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh thu và hồ thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.1.3. Quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại:

- Cơ sở thực hiện quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 24, Điều 25 và Điều 35 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Bùn phát sinh từ các quá trình xử lý nước (bể lọc chậm); được thu gom bởi đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Vỏ bao phèn, nhựa và cao su chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 240 lít và đặt trong kho hóa chất của Nhà máy; được thu gom bởi đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/ thùng.

- Thu gom tập kết rác thải hàng ngày và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định hoặc thu gom theo quy định của địa phương.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG*(Kèm theo Tờ Trình số số /TTr-TNMT ngày /11/2024)***A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Vận hành thường xuyên và đảm bảo các công trình xử lý chất thải, công trình bảo vệ môi trường hoạt động ổn định; đảm bảo thu gom, xử lý chất thải phát sinh đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi xả thải.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Dự án.

- Quản lý thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện Hải Hà, phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân Quảng Chính để được hướng dẫn giải quyết. Thực hiện đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình cơ sở hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Thực hiện các quy định khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành./.